

# THE PRESERVATION OF CULTURAL HERITAGES ASSOCIATED WITH TOURISM DEVELOPMENT UNDER THE PERSPECTIVE OF HERITAGE ECONOMICS

**Đang Van Bai<sup>a</sup>**

**Nguyen Thi Thu Mai<sup>b</sup>**

---

<sup>a</sup> National Council of Culture Heritage

Email: bai.dsvh@gmail.com

<sup>b</sup> Hanoi Open University

Email: TgJolie@gmail.com

Received: 08/11/2021

Reviewed: 10/11/2021

Revised: 11/11/2021

Accepted: 15/11/2021

Released: 20/11/2021

*Nowadays, the relationship between culture and development has become a top concern in all countries of the world. As a result, the relationship between cultural heritage conservation and sustainable tourism development is approached from two perspectives of cultural industry and heritage economics. The article analyzes some more concepts related to the above - mentioned interrelationships, thereby suggesting some ideas to promote the preservation of cultural heritage associated with tourism development in Thanh Hoa.*

**Key words:** Cultural heritage; Sustainable tourism development; The relationship between cultural heritage conservation and tourism development; Tourism development in Thanh Hoa.

---

## **1. Đặt vấn đề**

Phát triển du lịch bền vững dựa trên việc khai thác di sản văn hóa là một hướng đi đúng và đang nhận được nhiều sự quan tâm của các địa phương, trong đó có tỉnh Thanh Hóa - một tỉnh thuộc top đầu trong cả nước giàu tiềm năng về di sản văn hóa. Di sản văn hóa nếu được bảo tồn và phát huy đúng cách sẽ trở thành nguồn lực đóng góp vào sự phát triển của ngành du lịch. Ngược lại, du lịch phát triển sẽ tạo nguồn thu để tái đầu tư cho di sản văn hóa. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý, mối quan hệ giữa phát triển du lịch và bảo tồn di sản văn hóa không chỉ bao hàm ý nghĩa tích cực, mà có lúc, có nơi còn biểu hiện những hạn chế. Đó là khi du lịch được nhìn nhận như một ngành kinh tế đơn thuần, tìm kiếm lợi nhuận bằng mọi giá và đó là, khi di sản văn hóa có nguy cơ bị mai một, biến dạng vì khai thác quá mức. Vì vậy, nghiên cứu mối quan hệ giữa bảo tồn di sản văn hóa và phát triển du lịch bền vững được tiếp cận từ hai góc nhìn công nghiệp văn hóa và kinh tế học di sản. Và, quá trình triển khai thực hiện cần có một cơ chế tốt để giúp cho mối quan hệ giữa bảo tồn, phát huy giá trị di sản với phát triển du

lich hài hòa; một nhận thức đúng đắn, một cơ chế phối hợp minh bạch, hiệu quả giữa ngành Văn hóa và Du lịch để đạt được mục tiêu kép: *Xây dựng các sản phẩm du lịch* và *Bảo tồn di sản văn hóa*.

Phát huy giá trị di sản văn hóa, biến tiềm năng thành nguồn lực phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn hiện nay là rất cần thiết. Việc khai thác có hiệu quả thế mạnh của di sản văn hóa hướng tới phát triển du lịch bền vững không chỉ có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển du lịch, mà còn góp phần đưa những giá trị văn hóa đặc sắc của xứ Thanh đến gần hơn với bạn bè quốc tế, tạo nguồn thu để tái đầu tư cho văn hóa.

## 2. Tổng quan nghiên cứu

Di sản văn hóa là một lĩnh vực được giới nghiên cứu trong nước và nước ngoài đặc biệt quan tâm tìm hiểu ở nhiều cấp độ khác nhau trên các phương diện lý thuyết cũng như thực tiễn. Những thành tựu nghiên cứu lý luận về di sản văn hóa được tác giả bài viết chú ý như: Quan niệm di sản văn hóa như một “mã di truyền xã hội” - nhân tố hình thành nên bản sắc văn hóa dân tộc của tác giả Abraham Mayor. Trong hội nghị quốc tế “Bảo vệ di sản văn hóa vật thể và phi vật thể: Hướng đến phương pháp tiếp cận tổng thể” tổ chức tại Nara, Nhật Bản (2004), *Tuyên bố Yamato về phương pháp tiếp cận tổng thể trong bảo vệ di sản văn hóa vật thể và phi vật thể* đã được thông qua. Với bản tuyên bố này, các quan niệm về di sản văn hóa được nhân loại định nghĩa cụ thể trên phương diện lý luận theo Công ước và Quy chế UNESCO. Đây là những quan niệm cụ thể nhằm giúp nhận diện một cách đúng đắn khoa học về di sản văn hóa trên thế giới. Ở Việt Nam, công trình nghiên cứu về di sản văn hóa đầu tiên phải kể đến là “Việt Nam văn hóa sử cương” (tác giả Đào Duy Anh, 1938) với quan điểm: “Ta muốn trở thành một nước cường thịnh về vật chất, vừa về tinh thần thì phải giữ văn hóa cũ (di sản) làm *thể* (gốc, nền tảng); mà lấy văn hóa mới làm *dụng* nghĩa là phải khéo điều hòa tinh túy của văn hóa phương Đông với những điều sở trường về khoa học của văn hóa phương Tây”. Sau này, còn nhiều công trình khác cũng khá nổi tiếng như: “Một số vấn đề về bảo tồn và phát triển di sản văn hóa dân tộc” (tác giả Hoàng Vinh, 1997); “Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể” (Ngô Đức Thịnh, 2007) do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phát hành; “Một con đường tiếp cận di sản văn hóa” do Bộ Văn hóa - Thông tin ấn hành nhiều tập, từ năm 2006; “Bảo vệ di sản, cuộc chiến từ những góc nhìn” (Ngô Phương Thảo) đăng trên tạp chí Văn hóa nghệ thuật, số 289, tháng 7/2008. Bài viết đã đề cập trực tiếp đến vấn đề bảo vệ di sản văn hóa hiện nay. Tác giả cho rằng: Mỗi ngày, di sản văn hóa càng đối mặt với nhiều nguy cơ, xuất phát từ những hệ lụy của cuộc sống hiện đại. Cũng mỗi ngày, ý thức về trách nhiệm phải gìn giữ các giá trị văn hóa đã tồn tại với thời gian càng lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội, trong mỗi cộng đồng để dẫn tới những chương trình dự án ngày càng có hiệu quả hơn trong việc gìn giữ các giá trị di sản văn hóa.

Hoạt động du lịch chiếm vị trí quan trọng trong cơ cấu kinh tế của nhiều quốc gia, hàng năm đóng góp một khoản lớn cho ngân sách, đem lại lợi ích to lớn cho đất nước, địa phương có tiềm năng du lịch, nhất là tiềm năng về di sản văn hóa; cải thiện, nâng cao đời sống của người dân. Vì vậy, hoạt động du lịch được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu. Một số công trình tiêu biểu liên quan đến phát triển du lịch, phát triển du lịch bền vững của Arthur

Pederson, Anna Leask, Huibin và các cộng sự; Ortega, Wray... Một số nghiên cứu của các học giả Việt Nam như: “Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới” (Luận án tiến sĩ của tác giả Lương Thị Huyền Trang, 2016); “Bảo tồn di sản văn hóa gắn với phát triển kinh tế du lịch trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (Luận văn thạc sĩ của tác giả Vũ Trường Thành, 2014)...

Du lịch là ngành kinh tế tổng hợp quan trọng, mang nội dung văn hóa sâu sắc, có tính liên vùng, liên ngành và xã hội hóa cao. Do vậy, có một số công trình nghiên cứu dưới góc nhìn của mối quan hệ giữa di sản văn hóa và du lịch thông qua lăng kính *kinh tế di sản*, một số công trình tiêu biểu như: Gợi ý của Craig - Smith và French về tầm quan trọng của du lịch ở Hội An trong việc kích thích tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa ở Hội An, các tác giả cho rằng: “Du lịch có thể tạo ra điều kiện lợi cho cả đôi bên cho du khách và cho người dân địa phương... Sự hiện diện của khách du lịch ở những khu vực kém phát triển được xem như là một tác nhân thúc đẩy đầu tư vào các lĩnh vực dịch vụ và cơ sở hạ tầng...” (Craig - Smith and French trang 36). Và, “nhu cầu của khách du lịch có thể được xem là chiếc ô che chở cho các công trình lịch sử, cho truyền thống và cho môi trường” (trang 39). Du lịch được xem như là *cứu tinh cho các truyền thống bản địa và nghề thủ công truyền thống*. Như vậy, rõ ràng du lịch luôn mang lại lợi ích kinh tế - xã hội, còn di sản văn hóa luôn là một tiềm năng hấp dẫn nhất cho các địa phương lựa chọn phát triển du lịch.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Để làm rõ mối quan hệ giữa bảo tồn di sản văn hóa và phát triển du lịch bền vững được tiếp cận từ hai góc nhìn công nghiệp văn hóa và kinh tế học di sản tác giả bài viết đã sử dụng nhiều phương pháp, trong đó có một số phương pháp quan trọng như: (1) Phương pháp phân tích - tổng hợp nguồn tài liệu về: Quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về di sản văn hóa, luật di sản văn hóa về bảo tồn và phát huy di sản văn hóa; công nghiệp văn hóa và kinh tế học di sản; kinh tế du lịch...; (2) Phương pháp lịch sử - logic: dùng nghiên cứu, phán đoán, suy luận, biện luận những cơ sở lịch sử, xã hội hình thành nên di sản; vai trò, tầm quan trọng của di sản văn hóa đối với phát triển, nhất là phát triển du lịch; những tác động của kinh tế du lịch tới di sản văn hóa; (3) Phương pháp phỏng vấn một số các chuyên gia về di sản văn hóa, du lịch, các nhà quản lý văn hóa và du lịch; các nhà kinh tế.

### 4. Nội dung nghiên cứu

#### 4.1. Hợp tác bền chặt giữa hai ngành di sản văn hóa và du lịch là mô hình hoạt động biến văn hóa thành mục tiêu và động lực phát triển kinh tế - xã hội

Các nhà nghiên cứu luôn đặt vấn đề xem xét lại vai trò của văn hóa trong mối quan hệ với phát triển. Trước đây, các tiêu chí phát triển của quốc gia thường được định hình bởi chỉ số về tổng thu nhập quốc nội và bình quân thu nhập quốc gia tính theo đầu người. Đây là các chỉ số có thể lượng hóa mức độ phát triển song đó không phải là tất cả. Cá biệt, có người còn hiểu lầm, cho rằng văn hóa chỉ là hệ quả của quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, trong quan niệm hiện đại, phát triển được hiểu là “trạng thái” cho phép xã hội thỏa mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu đa dạng của con người. “Trạng thái” cho phép con người nhận thức tốt hơn, có năng lực cao hơn và những điều kiện thuận lợi để hưởng thụ tốt

hơn, tư duy sáng tạo nhiều giá trị mới và sản phẩm mới phục vụ cho con người. Suy cho cùng, phát triển phải là sự tăng trưởng năng lực của con người, giá trị của con người mà không chỉ là tỷ lệ tăng trưởng kinh tế. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế xét về thực chất chỉ là biểu hiện, sự cụ thể hóa năng lực thỏa mãn nhu cầu của con người từ phía xã hội.

Với tư cách là mục tiêu của phát triển kinh tế, văn hóa đóng vai trò định hướng thậm chí quyết định nhu cầu của xã hội, nhờ đó mà kích thích phát triển thông qua các hoạt động khoa học, sản xuất ra các sản phẩm vật chất và tinh thần cho xã hội ngày càng phong phú hơn. Và cùng với đó là năng lực sáng tạo của từng cá nhân và cộng đồng cũng không ngừng được nâng cao. Nhu cầu được thỏa mãn một cách tối ưu là điều kiện tiên quyết để con người cảm nhận về hạnh phúc. Đó là tiền đề cho mọi quá trình phát triển.

Chúng ta hiểu, văn hóa bao gồm tất cả các lĩnh vực hoạt động của con người (trong đó có cả kinh tế) và các giá trị sáng tạo còn lại từ quá khứ, thể hiện ở các lĩnh vực lao động sản xuất, sinh hoạt vật chất và tinh thần của con người. Nhờ thế mà văn hóa có khả năng trở thành động lực của phát triển hiểu theo nghĩa: (1) Các giá trị văn hóa với tư cách là chuẩn mực đạo đức có khả năng điều chỉnh, định hướng các hành vi và hoạt động của con người hướng tới Chân - Thiện - Mỹ; (2) Tri thức được tích lũy từ quá khứ dưới dạng di sản văn hóa chính là động lực cho sự tiến bộ xã hội và phát triển. Nhờ có tri thức, loài người từ nền kinh tế nặng về khai thác thiên nhiên chuyển sang giai đoạn kinh tế tri thức tức là dựa vào khai thác chất xám, trong nền kinh tế đó, phần đóng góp trí tuệ ngày càng tăng, ngược lại, tỷ lệ đóng góp giá trị nguyên vật liệu, tiền vốn và sức lao động dần giảm đi đáng kể; (3) Dựa trên nền tảng các giá trị văn hóa, chuẩn mực đạo đức, từng cá nhân sẽ có hành vi tương ứng với cương vị, chức năng xã hội của mình mà nỗ lực cống hiến xứng đáng cho cộng đồng xã hội. Và nhờ thế mà văn hóa trở thành động lực cho phát triển hay là “hệ điều tiết cho phát triển bền vững đất nước”.

Di sản văn hóa Việt Nam được hiểu là “Tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và là bộ phận của di sản văn hóa của nhân loại có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân ta”<sup>1</sup>.

Từ định nghĩa này ta thấy, di sản văn hóa được coi là tài sản quý giá thì tất yếu phải hàm chứa các giá trị văn hóa. Mặt khác, di sản văn hóa được khẳng định có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước hàng ngàn năm qua cũng tức là xác nhận văn hóa nói chung và di sản văn hóa nói riêng có vai trò quan trọng như một “động lực tinh thần” trong sự phát triển.

Khả năng đóng vai trò là động lực phát triển kinh tế của di sản văn hóa được thể hiện: (1) Khả năng thực hiện chức năng quan trọng của văn hóa là giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ yêu cầu phát triển; (2) Tạo môi trường xã hội lành mạnh để thu hút các nguồn lực trong nước và nước ngoài cần thiết cho phát triển; (3) Phương tiện giao lưu, đối thoại văn hóa và kết nối/gắn kết con người, giúp tạo ra sự đồng thuận xã hội trong phạm vi quốc gia và thế giới, làm cho xã hội được ổn định, thế giới có dân chủ và hòa bình - yếu tố quan trọng nhất cho phát triển.

---

<sup>1</sup> Luật Di sản văn hóa năm 2001, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2009, tr.31.

Như vậy, song song với kinh tế và chính trị, văn hóa luôn là yếu tố trung tâm của phát triển với mục tiêu không ngừng nâng cao phẩm chất, trí tuệ, năng lực sáng tạo và hưởng thụ giá trị của “con người văn hóa”. Như vậy, nhu cầu xã hội do văn hóa định hướng và xác định là động lực chủ đạo cho tăng trưởng kinh tế.

#### **4.2. Di sản văn hóa là tài nguyên và nguồn lực chiến lược cho phát triển du lịch**

Từ góc nhìn kinh tế học ta biết, du lịch là một ngành kinh tế mũi nhọn có khả năng tạo ra động lực thúc đẩy sự phát triển cho các ngành có liên quan khác và góp phần quan trọng hình thành cơ cấu kinh tế hiện đại của đất nước. Là ngành kinh tế mũi nhọn nhưng du lịch lại “chú trọng phát triển du lịch văn hóa, gắn phát triển du lịch với bảo tồn, phát huy giá trị di sản và bản sắc văn hóa dân tộc”<sup>2</sup>. Quan điểm chiến lược nêu trên khẳng định mối quan hệ tương hỗ và gắn bó bền chặt của ngành du lịch với sự nghiệp bảo tồn di sản văn hóa.

Trong lời mở đầu Luật *Di sản văn hóa* năm 2001, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, Đảng và Nhà nước nhấn mạnh mục tiêu bảo tồn di sản văn hóa nhằm “Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, đáp ứng nhu cầu về văn hóa ngày càng cao của nhân dân, góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và đóng góp vào kho tàng di sản văn hóa thế giới”<sup>3</sup>. Điều đó có nghĩa là, bảo tồn di sản văn hóa phải đặt ra mục tiêu cao nhất là phục vụ con người và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Có thể hiểu, ngành du lịch và ngành di sản có chung một đối tượng tác nghiệp là di sản văn hóa và thiên nhiên, chung một đối tượng phục vụ là cộng đồng xã hội (du khách) và mục tiêu lớn cùng hướng tới là bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Đối tượng bảo tồn của ngành di sản trở thành đối tượng khai thác và phát huy của ngành du lịch. Các di sản văn hóa và thiên nhiên là những thực thể văn hóa được sử dụng trong hoạt động du lịch, trở thành một hợp phần quan trọng của một sản phẩm du lịch, của điểm đến và tour du lịch.

Chúng ta cần tiếp cận du lịch từ góc nhìn một ngành kinh tế có tính lưỡng hợp: (1) Du lịch là một lĩnh vực hoạt động văn hóa bởi vì hiểu theo nghĩa rộng, văn hóa là toàn bộ hoạt động, những sản phẩm do con người tạo ra, trong đó có cả lĩnh vực hoạt động du lịch; (2) Du lịch với tư cách là ngành kinh tế mũi nhọn có hoạt động sản xuất (các dịch vụ), phân phối sản phẩm, sử dụng lao động và tạo ra lợi nhuận kinh tế. Du lịch không thể tách rời văn hóa và ngược lại.

Từ góc nhìn văn hóa, di sản mãi mãi chỉ là những thực thể văn hóa, tồn tại dưới dạng tiềm năng, tài nguyên thiên nhiên và văn hóa. Tự thân di sản không thể trở thành sản phẩm du lịch hay loại hàng hóa “đặc thù” (vừa có giá trị kinh tế, vừa có giá trị văn hóa) nếu thiếu các loại dịch vụ văn hóa do ngành du lịch tạo ra. Ngược lại, dù có các loại hình dịch vụ phong phú đến đâu mà không dựa trên cơ sở nguồn tài nguyên thiên nhiên và văn hóa có chất lượng thì du lịch không có sản phẩm mang tính chất hàng hóa và do đó không thể chỉ bán riêng dịch vụ tách biệt khỏi di sản cho du khách.

<sup>2</sup> Quyết định số 47/QĐ - TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chiến lược du lịch đến năm 2030”, Website Thư viện Pháp luật.

<sup>3</sup> Tài liệu đã dẫn, tr.32.

Xét về bản chất, mọi hoạt động du lịch đều nằm mục tiêu đáp ứng tốt nhất các nhu cầu thưởng thức, trải nghiệm, khám phá những điều mới lạ, hấp dẫn và khác biệt về thiên nhiên và văn hóa ở các vùng miền khác nhau của đất nước cũng như của các quốc gia khác trên toàn thế giới. Di sản văn hóa và thiên nhiên là các không gian văn hóa/ thực thể văn hóa hàm chứa các giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học và thẩm mỹ cùng với các dịch vụ văn hóa khác có đầy đủ điều kiện thỏa mãn nhu cầu hưởng thụ các giá trị vật chất và tinh thần cho du khách dưới dạng các sản phẩm du lịch (hợp thể giữa tài nguyên và dịch vụ).

Để tồn tại và phát triển, bản thân ngành du lịch cũng phải tự tạo ra cái gọi là văn hóa du lịch. Theo tác giả Nguyễn Phạm Hùng, văn hóa du lịch là “một bộ phận của văn hóa, bao gồm toàn bộ các thực thể văn hóa do con người tạo ra, được bảo vệ, gìn giữ, khai thác và sử dụng trong du lịch, cũng như toàn bộ các thực thể văn hóa đặc thù được tạo ra trong các hoạt động du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch”<sup>4</sup>. Văn hóa du lịch đòi hỏi phải tạo lập, duy trì thái độ ứng xử thân thiện và bền vững giữa các chủ thể có liên quan như: (1) Doanh nghiệp du lịch và du khách với môi trường thiên nhiên và sắc thái văn hóa địa phương; (2) Quan hệ tốt đẹp giữa doanh nghiệp với du khách và với cư dân tại điểm đến du lịch và ngược lại; (3) Tạo lập sự cân bằng giữa bảo vệ di sản văn hóa và gia tăng lợi nhuận du lịch.

Du lịch phải đóng góp nguồn lực vật chất cho bảo tồn di sản văn hóa, mang lại công ăn, việc làm và sinh kế cho cư dân địa phương nơi có điểm đến du lịch.

Đến đây có thể rút ra một luận điểm tổng quát: Bảo tồn di sản văn hóa và phát triển du lịch là hai ngành có mối quan hệ tương hỗ, bền chặt. Du lịch được nhìn nhận là “phương tiện”/“công cụ” thiết yếu để quảng bá, phát huy giá trị di sản văn hóa đến rộng khắp công chúng trong toàn xã hội, đồng thời tạo ra nguồn lực vật chất đóng góp cho sự nghiệp bảo tồn di sản văn hóa. Ngược lại, bảo tồn di sản văn hóa chính là giữ gìn lâu dài nguồn tài nguyên, nguồn lực chiến lược cho phát triển du lịch bền vững. Trong phát triển du lịch và bảo tồn di sản văn hóa bao giờ cũng cần có sự hài hòa và “cân bằng động” giữa hai yếu tố văn hóa và kinh tế. Chúng ta cần thay đổi tư duy và nhận thức rõ, đầu tư cho bảo tồn di sản văn hóa không phải là “gánh nặng” ngân sách, đó là khoản đầu tư để duy trì nguồn thu và làm gia tăng giá trị kinh tế trong di sản văn hóa.

### **4.3. Một vài đề xuất cho tỉnh Thanh Hóa từ góc nhìn kinh tế học di sản**

*4.3.1. Kinh tế học di sản được hiểu là việc nghiên cứu làm rõ yếu tố kinh tế trong di sản để bảo tồn tốt hơn, hay hơn, làm gia tăng các giá trị hàm chứa trong di sản và tạo ra nguồn thu lợi nhuận từ bảo tồn di sản văn hóa mà trực tiếp hơn là thúc đẩy phát triển du lịch với tư cách một ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước.*

Nói đến di sản văn hóa là chúng ta có thói quen nghĩ tới các mặt giá trị: lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ,... tức là chỉ chú ý đặc biệt tới các mặt giá trị tinh thần - yếu tố cốt lõi trong di sản văn hóa mà chưa hiểu hết và lượng hóa được giá trị kinh tế trong di sản văn hóa. Luật *Di sản văn hóa* xác định “Di sản văn hóa là tài sản quý giá” của cộng đồng các dân tộc

<sup>4</sup> Nguyễn Phạm Hùng, *Văn hóa du lịch*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2016, tr. 71.

Việt Nam cũng bao hàm giá trị kinh tế của di sản dưới dạng các “sản nghiệp văn hóa”, của cải được kế thừa từ các thế hệ cha ông.

Giá trị kinh tế của di sản văn hóa được thể hiện ở hai dạng: giá trị trực tiếp và giá trị gián tiếp. Giá trị trực tiếp lại được biểu hiện ở chức năng sử dụng/công năng và giá trị trao đổi với tư cách là hàng hóa đặc biệt, ẩn chứa trong các sản phẩm du lịch.

Tự thân di sản văn hóa (di tích lịch sử - văn hóa) cũng chứa đựng các giá trị kinh tế thể hiện dưới dạng các loại vật liệu xây dựng, sức lao động, tiền bạc, trí tuệ đầu tư vào việc tạo dựng công trình mà tương lai sẽ được thừa nhận là di sản của cộng đồng. Theo khái toán mức đầu của các nhà khoa học, để xây dựng hoàn chỉnh phức hợp Quần thể di tích Cố đô Huế, cha ông chúng ta có thể đã phải đầu tư nguồn tài chính lớn hơn nhiều lần kinh phí cần thiết để xây dựng đường điện cao thế 500kV xuyên suốt Bắc - Nam. Đó là nguồn lực kinh tế khổng lồ hiện diện trong lòng Khu di sản văn hóa thế giới. Mặt khác, nhờ có sự hỗ trợ của ngành du lịch, di sản văn hóa quý giá của đất nước trở thành loại hàng hóa đặc biệt (mua hàng hóa mà không được sở hữu mà chỉ được sử dụng dưới hình thức hưởng thụ giá trị tinh thần), bán được nhiều lần cho nhiều người, bán lâu dài với giá trị tăng theo thời gian, nếu được bảo tồn theo đúng các nguyên tắc khoa học.

Giá trị kinh tế gián tiếp của di sản văn hóa được ẩn vào hay hòa vào tổng thu của ngành du lịch đóng góp ngân sách quốc gia hàng năm. Ta có thể nhận rõ vai trò hay giá trị kinh tế gián tiếp của di sản văn hóa trong phát triển du lịch ở các mặt: (1) Góp phần quan trọng quyết định thị trường du lịch; (2) Tạo nên nguồn tài nguyên du lịch chủ đạo cho phát triển du lịch; (3) Vai trò quyết định các dịch vụ du lịch thích hợp; (4) Hạt nhân để hình thành các sản phẩm du lịch đặc thù và khác biệt; (5) Tạo dựng và quyết định thương hiệu và hình ảnh quê hương đất nước trong lòng du khách; (6) Khẳng định và tôn vinh bản sắc văn hóa Việt Nam qua du lịch; (7) Có vai trò quyết định chất lượng văn hóa du lịch; (8) Xác định điểm đến, tour, tuyến du lịch chủ đạo bằng kết nối di sản văn hóa; (9) Chất lượng giá trị di sản văn hóa quyết định ý tưởng chủ đạo trong quy hoạch phát triển du lịch<sup>5</sup>.

Đến đây có thể khẳng định, ngoài các mặt giá trị tinh thần quan trọng (dưới dạng các không gian văn hóa công cộng), di sản văn hóa còn có khả năng đóng góp nguồn lực kinh tế trực tiếp vào sự phát triển phồn vinh của đất nước. Vậy, phải bảo tồn như thế nào để chuyển hóa các giá trị tinh thần và vật chất của di sản văn hóa thành mục tiêu và động lực cho phát triển kinh tế - xã hội là một câu hỏi không dễ có đáp án cho các ngành hữu quan từ vĩ mô đến vi mô.

*4.3.2. Vùng Hàm Rồng Thanh Hóa hội tụ các điều kiện thiên nhiên và văn hóa đáp ứng yêu cầu khác, lạ và hấp dẫn cho phát triển du lịch*

Trong các hoạt động du lịch ngày càng rộng mở trên phạm vi toàn thế giới, hạt nhân “cốt lõi nhất” bao giờ cũng là nhu cầu thưởng thức, trải nghiệm và khám phá những điều khác biệt, mới lạ trong thiên nhiên và văn hóa ở các vùng miền khác nhau trong những không gian

<sup>5</sup> Nguyễn Phạm Hùng, Tài liệu đã dẫn, tr.86.

và thời gian nhất định. Để hiểu rõ khả năng cung ứng sự khác, lạ, hấp dẫn cho du lịch, chúng ta phải đặt Thanh Hóa trong bối cảnh không gian văn hóa chung của đất nước.

Việt Nam có ba không gian địa - văn hóa tiêu biểu nhất và những đặc trưng văn hóa rõ rệt nhất là ba miền: Bắc - Trung - Nam và tương ứng với ba không gian địa - văn hóa đó là ba nền văn hóa nổi tiếng trên thế giới và khu vực Đông Nam Á là: văn hóa Đông Sơn - văn hóa Sa Huỳnh - văn hóa Óc Eo. Trong bối cảnh địa - văn hóa chung như vậy, Thanh Hóa cũng chiếm vị trí là một trong ba trung tâm của văn hóa Đông Sơn: làng Cả (Phú Thọ) - làng Đông Sơn (Thanh Hóa) - làng Vạc (Nghệ An). Đây chính là ba nơi phát hiện ra nhiều trống đồng và di vật bằng đồng liên quan tới văn hóa Đông Sơn ở miền Bắc Việt Nam. Thanh Hóa hội tụ cả vùng núi, vùng trung du, vùng đồng bằng và vùng biển, là vùng đất cổ nơi có dấu ấn tụ cư của con người từ thời cổ đại nên được xem như một nước Việt Nam thu nhỏ cả về tự nhiên và văn hóa. Trên nền cảnh văn hóa Thanh Hóa, Hàm Rồng nổi lên như một tiểu vùng văn hóa gắn liền với đặc trưng văn hóa Việt cổ, mà đỉnh cao là văn hóa Đông Sơn. Tiểu vùng văn hóa đó được coi là vùng trung tâm văn hóa của Thanh Hóa, nơi hội tụ nhiều loại hình di sản văn hóa, mà nổi bật nhất là các di tích khảo cổ gắn với văn hóa Đông Sơn và di sản văn hóa làng cổ Đông Sơn - di tích cư trú của con người từ thời kỳ Hùng Vương đến ngày nay. TS. Nguyễn Thị Thục đã khái quát hóa những nét đặc trưng của tiểu vùng văn hóa Hàm Rồng bao gồm: (1) Không gian địa - văn hóa liên tục, liền khoanh; (2) Cảnh quan sinh thái tự nhiên độc đáo; (3) Nơi cư trú của cộng đồng dân cư liên đới và phát triển liên tục trong lịch sử; (4) Hội tụ các loại hình di sản văn hóa đặc trưng<sup>6</sup>. Rõ ràng, các nét đặc trưng văn hóa của tiểu vùng Hàm Rồng Thanh Hóa hội tụ đầy đủ các điều kiện thiên nhiên và văn hóa cho phép ngành du lịch xứ Thanh tạo ra nhiều sản phẩm du lịch khác biệt, độc đáo, mới lạ và hấp dẫn cho phát triển du lịch bền vững ở địa phương trong thế đối sánh với các vùng miền văn hóa khác trong cả nước.

### 5. Thảo luận

Xây dựng và triển khai Đề án “Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa và tài nguyên sinh thái - nhân văn khu vực Hàm Rồng - Đông Sơn - Núi Đọ (Thanh Hóa) gắn với phát triển du lịch, phát triển cộng đồng” theo hướng phát triển bền vững toàn khu vực với ba mục tiêu lớn là: (1) Quản lý phát triển khu đô thị Tây Bắc thành phố Thanh Hóa gắn với bảo tồn di sản văn hóa, cảnh quan thiên nhiên và du lịch bền vững; (2) Phát triển mô hình kinh tế sinh thái nhằm đóng góp, góp phần bảo vệ cảnh quan môi trường; (3) Thu hút đầu tư của các nguồn lực xã hội, các chủ đầu tư có tiềm năng và cư dân địa phương tham gia thực hiện các mục tiêu phát triển khu vực Tây Bắc thành phố Thanh Hóa; (4) Góp phần nhanh chóng chuyển hóa các giá trị văn hóa và thiên nhiên thành mục tiêu và động lực phát triển kinh tế - xã hội, có ưu tiên cho phát triển du lịch bền vững.

Chúng tôi đề xuất một số dự án nghiên cứu cụ thể để từng bước thực hiện 4 mục tiêu căn bản nêu trên:

*Thứ nhất*, nghiên cứu tìm hiểu “gen” văn hóa Đông Sơn thông qua các đợt tham sát và khai quật khảo cổ vùng Hàm Rồng (khu di tích Núi Đọ, di tích Cồn Chân Tiên, di tích Thiệu

---

<sup>6</sup> Nguyễn Thị Thục, *Di sản văn hóa vùng Hàm Rồng ở Thanh Hóa*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2016, tr.128.

Dương, di tích Đông Sơn và di tích Văn Thánh Hàm Rồng) với các mục tiêu lớn là: (1) Xác định tiềm năng di tích; (2) Xác định quy mô di tích; (3) Xác định các di tích trọng điểm; (4) Xác định các địa điểm khảo cổ cần được nghiên cứu mở rộng và bảo tồn tại chỗ với tư cách là những bằng chứng lịch sử chân xác làm cơ sở xây dựng hồ sơ di tích quốc gia đặc biệt hoặc hồ sơ đề cử di sản văn hóa thế giới cho khu di tích khảo cổ Đông Sơn; (5) Kết hợp sưu tầm các bộ sưu tập hiện vật gốc cho các hoạt động bảo tàng trong tương lai gần; (6) Trường hợp kết quả khai quật khảo cổ không có sức thuyết phục theo các mục tiêu đã đặt ra thì chúng ta đã thực hiện việc giải phóng, tạo mặt bằng sạch cho phát triển.

*Thứ hai*, dự án nghiên cứu di sản văn hóa phi vật thể vùng Hàm Rồng Thanh Hóa. Các nhà nghiên cứu văn hóa luôn coi văn hóa dân gian là “văn hóa gốc”, “văn hóa mẹ” hay “cội nguồn văn hóa dân tộc” với đặc trưng cơ bản là tồn tại dưới dạng truyền miệng, truyền dạy các “bí kíp” nghề nghiệp và thực hành văn hóa trong đời sống xã hội. Người ta thường gom văn hóa dân gian folklore thành 4 nhóm: (1) Ngữ văn dân gian; (2) Nghệ nhân dân gian; (3) Tri thức dân gian hay tri thức bản địa; (4) Lối sống, tín ngưỡng, phong tục và lễ hội truyền thống. Mục tiêu tổng quát của dự án đặt ra các yêu cầu: (1) Nghiên cứu tổng thể và hệ thống các mặt giá trị văn hóa phi vật thể trong không gian văn hóa Hàm Rồng; (2) Xây dựng bộ hồ sơ khoa học về di sản văn hóa phi vật thể, tạo cơ sở dữ liệu cho việc số hóa tiến tới chuyển đổi số trong bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể; (3) Cung cấp tư liệu khoa học hỗ trợ cho các hoạt động bảo tồn và phát huy di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch vùng Hàm Rồng Thanh Hóa.

*Thứ ba*, nghiên cứu chuẩn bị khoa học cho việc xây dựng Bảo tàng sinh thái làng cổ Đông Sơn với mục tiêu tổng quát là “bảo tồn tại chỗ” bằng hình thức bảo tàng sinh thái sống động ở ngoài trời nhằm bảo tồn toàn bộ cảnh quan thiên nhiên - văn hóa làng cổ Đông Sơn, môi trường sinh thái - nhân văn của cộng đồng cư dân địa phương góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa đi đôi với bảo vệ môi trường bền vững tạo nền tảng cho phát triển kinh tế xã hội vùng Hàm Rồng.

Mục tiêu cụ thể là áp dụng có hiệu quả phương pháp bảo tàng hóa di sản văn hóa trong cộng đồng, cho cộng đồng và vì cộng đồng. Phương pháp khoa học này cho phép thu hút sự tham gia rộng rãi của cộng đồng cư dân địa phương vào các hoạt động bảo vệ, phát huy di sản thiên nhiên và văn hóa làng cổ Đông Sơn với các hạng mục căn bản: (1) Khoanh vùng khu vực bảo vệ để xây dựng bảo tàng; (2) Cảnh quan thiên nhiên được bảo tồn bền vững; (3) Không gian văn hóa được tôn tạo; (4) Các di tích lịch sử văn hóa được tu bổ tôn tạo và phát huy giá trị; (5) Các biểu đạt văn hóa và thực hành di sản văn hóa phi vật thể được duy trì và chuyển giao; (6) Chủ thể văn hóa, các nghệ nhân được hỗ trợ và khuyến khích thực hành trình diễn di sản văn hóa; (7) Tạo các cơ sở lưu trú homestay đạt tiêu chuẩn 4 sao; (8) Kết nối các công ty lữ hành trong nước và quốc tế; (9) Nghề thủ công truyền thống được phục hồi với các sản phẩm có chất lượng được đăng ký bản quyền; (10) Thí nghiệm tạo dựng mô hình nông nghiệp sinh thái với các sản phẩm OCOP để du khách có được các trải nghiệm văn hóa thực sống động.

*Thứ tư*, nghiên cứu chuẩn bị khoa học tiến tới xây dựng Bảo tàng văn hóa Đông Sơn tại Hàm Rồng - nơi đầu tiên phát hiện dấu tích khảo cổ (trống đồng Đông Sơn) liên quan tới nền văn hóa nổi tiếng trên thế giới. Mục tiêu tổng quát đặt ra là: xây dựng Bảo tàng văn hóa Đông Sơn thành điểm nhấn quan trọng trong không gian văn hóa Núi Đọ - Đông Sơn - Hàm Rồng nhằm kết nối các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, các di tích lịch sử - văn hóa, cảnh quan sinh thái nổi trội và phản ánh rõ nét nhất 5 sắc thái văn hóa nổi bật của tiểu vùng văn hóa nêu ở phần trên (theo đánh giá của TS. Nguyễn Thị Thục).

Bảo tàng văn hóa Đông Sơn khi đưa vào hoạt động sẽ đạt được các mục tiêu cụ thể: (1) Phản ánh thái độ ứng xử và khả năng thích ứng của cư dân Đông Sơn trước bối cảnh sinh thái tự nhiên để sinh tồn và sáng tạo văn hóa; (2) Giới thiệu một cách sinh động trực quan nhất các mặt giá trị đặc trưng trong văn hóa Đông Sơn, di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể dưới dạng như là “ảnh xạ văn hóa Đông Sơn” trong đời sống đương đại; (3) Nhấn mạnh bản sắc riêng của văn hóa Đông Sơn mang tính bản địa và môi trường trong lịch sử cũng như sự giao thoa văn hóa trong bối cảnh Đông Nam Á thời tiền - sơ sử; (4) Tạo dựng một bảo tàng chuyên sâu, độc đáo, hiện đại và có đẳng cấp quốc tế trong bối cảnh thời kỳ chuyển đổi số; (5) Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa với tư cách là tài nguyên du lịch nhằm chuyển hóa giá trị văn hóa thành mục tiêu và động lực phát triển kinh tế - xã hội.

## **6. Kết luận**

Nhân loại đã bước sang một thiên niên kỷ mới - thiên niên kỷ của sự phát triển, mở rộng ảnh hưởng và chịu ảnh hưởng lẫn nhau của các nền kinh tế, của mọi mặt trong đời sống xã hội. Đây là một quá trình tất yếu, khách quan. Bên cạnh những thời cơ phát triển cũng không ít thách thức, trong đó thách thức lớn nhất là “mẫu hình văn hóa đồng phục”. Vì vậy, bảo vệ và phát huy những giá trị bản sắc của nền văn hóa truyền thống, tinh hoa văn hóa của mỗi quốc gia là cấp bách và trong đó di sản văn hóa rất quan trọng. Di sản văn hóa cũng chỉ có thể phát huy khi nó trở thành tài sản - một nguồn lực đầu vào hết sức quan trọng để tạo ra sản phẩm của ngành du lịch. Trên cơ sở bài viết và những phân tích, có thể thấy di sản văn hóa và phát triển du lịch là cặp phạm trù quan hệ khăng khít, không thể tách rời nếu muốn bảo tồn di sản và phát triển du lịch.

Ngoài ra, tác giả bài viết cũng đã gợi ý về việc triển khai nội dung “Quy hoạch tổng thể bảo tồn tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng thành phố Thanh Hóa” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 36/QĐ - TTg ngày 15/3/2013 với mục tiêu chính làm rõ và tích hợp 3 giá trị văn hóa Đông Sơn, lịch sử văn hóa, các công trình tôn giáo, tín ngưỡng dân gian và lịch sử cách mạng trong không gian văn hóa Hàm Rồng. Lồng ghép hình ảnh làng truyền thống Đông Sơn, di chỉ khảo cổ, di tích lịch sử - văn hóa, qua đó làm sống lại các giá trị của di tích, góp phần giáo dục, truyền bá trong và ngoài nước về một trong những cái nôi của người Việt cổ về truyền thống văn hóa dân tộc, về lịch sử cách mạng hào hùng của dân tộc và của xứ Thanh. Tác giả hi vọng, 4 thảo luận trên sẽ tạo ra được nét khác biệt, mới lạ và hấp dẫn với tư cách là yếu tố cốt lõi phát triển du lịch bền vững trong khu đô thị sinh thái Hàm Rồng - núi Đọ.

**Tài liệu tham khảo**

- [1]. Luật Di sản văn hóa năm 2001, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2009, tr.31.
- [2]. Quyết định số 47/QĐ - TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chiến lược du lịch đến năm 2030”, Website Thư viện Pháp luật.
- [3]. Nguyễn Phạm Hùng (2016), *Văn hóa du lịch*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [4]. Nguyễn Thị Thục (2016), *Di sản văn hóa vùng Hàm Rồng ở Thanh Hóa*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội

## BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỪ GÓC NHÌN KINH TẾ HỌC DI SẢN

**Đặng Văn Bài<sup>a</sup>**

**Nguyễn Thị Thu Mai<sup>b</sup>**

<sup>a</sup>Hội đồng Di sản Văn hóa Quốc gia

Email: bai.dsvh@gmail.com

<sup>b</sup>Đại học Mở Hà Nội

Email: TgJolie@gmail.com

Ngày nhận bài: 08/11/2021

Ngày phản biện: 10/11/2021

Ngày tác giả sửa: 11/11/2021

Ngày duyệt đăng: 15/11/2021

Ngày phát hành: 20/11/2021

*Ngày nay, mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển đã trở thành vấn đề được quan tâm hàng đầu ở tất cả các quốc gia trên thế giới; trong đó, mối quan hệ giữa bảo tồn di sản văn hóa và phát triển du lịch bền vững được tiếp cận từ hai góc nhìn công nghiệp văn hóa và kinh tế học di sản. Bài viết đặt mục tiêu bàn luận thêm về một số khái niệm có liên quan tới các mối quan hệ tương hỗ nêu trên, từ đó gợi mở một vài ý tưởng nhằm thúc đẩy quá trình bảo tồn di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch tại Thanh Hóa.*

**Từ khóa:** Di sản văn hóa; Phát triển du lịch bền vững; Mối quan hệ giữa bảo tồn di sản văn hóa và phát triển du lịch; Phát triển du lịch Thanh Hóa.